

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

HỒ SĨ QUÝ \*

*Từ khóa: con người, phát triển con người, con người Việt Nam, HDI.*

*Ngày nhận bài: 02/7/2019; ngày gửi phản biện: 03/7/2019; ngày duyệt đăng bài: 15/8/2019.*

### 1. Thực trạng nhận thức lí luận về phát triển con người

Về mặt lí thuyết, trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam, xưa nay, con người chưa bao giờ bị xem nhẹ hay không được coi trọng. Nghĩa là, những hiện tượng hay thái độ cư xử không thỏa đáng đối với con người, như đã xảy ra trong thực tế, được coi chỉ là hiện tượng không kiểm soát được. Đây là nghịch lí không dễ lí giải mà lịch sử gần như thời nào cũng có. Tình trạng giải quyết vấn đề con người ở Việt Nam trước thời kì *Đổi mới* cũng gần như vậy.

Trong nhận thức lí luận ở thời kì trước “*Đổi mới*”, con người, mặc dù cũng là một đối tượng được đặc biệt quan tâm nhưng trên thực tế, do bị chi phối bởi các lí thuyết không thật tối ưu (có nguồn gốc từ các nhà lí luận Xô viết) nên nói đến con người, người ta thường chỉ hiểu đó là con người xã hội; nghĩa là con người trong các quan hệ nhóm, tập thể, cộng đồng, giai cấp, dân tộc, tổ quốc, ... Việc quyết định diện mạo con người gần như không ai bàn đến vai trò của nhân tố cá nhân, cá thể, huyết tộc, nòi giống, ... Về mặt phương pháp luận, tất cả mọi hiện tượng phong phú, phức tạp, độc nhất vô nhị ở mỗi cá thể và cá nhân với nhân cách riêng biệt của nó đều được giải thích bằng các nguyên nhân xã hội. Sự chi phối của các đặc tính sinh học đến bản tính, bản chất và nhân cách con người hầu như không được chú ý. Cách nhìn lệch lạc như vậy thường được biện minh bằng việc dẫn ra các tư tưởng kinh điển: “Hoạt động sống của con người như thế nào thì họ là như thế ấy” (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, 1995, tr. 30). “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội” (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, 1995, tr. 11). Mãi đến cuối những năm 70 của thế kỉ XX, các vấn đề về gen, về di truyền sinh học mới được biết đến ở Việt Nam.

Vào thời đó, con người chủ yếu được xem xét chỉ như là sản phẩm của hoàn cảnh, còn việc xây dựng con người thì lại bị gò ép trong những tiêu chuẩn đẹp nhưng khuôn sáo (xem: Phạm Như Cương (chủ biên), 1978). Những tiêu chuẩn về đạo đức, về trách nhiệm xã hội chiếm phần lớn bảng tiêu chuẩn phát triển con người. Phương pháp luận ở đây có vấn đề về phương diện ứng dụng: những nguyên tắc quyết định luận duy vật về đời sống xã hội làm cho ai nấy đều tin rằng mình suy nghĩ và hành động về con người

\* GS.TS., Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

*Hồ Sĩ Quý*

không sai - quan hệ người với người trong sản xuất do lực lượng sản xuất quyết định, ý thức con người do tồn tại xã hội quyết định, nhân cách và cá tính con người do hoạt động quyết định,... Thậm chí, sự thành đạt của mỗi người còn được lí giải theo kiểu Ph.Ăng-ghen đã lí giải về sự xuất hiện của các nhân vật lịch sử: “Nếu như không có Napoleon thì người khác sẽ đóng vai trò của ông ta. Điều đó được chứng minh bởi một sự thật là bất cứ khi nào cần có một người như vậy thì đều có một người như vậy: Cesar, Augustus, Cromwell...” (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, 1999, tr. 273).

Về mặt phương pháp luận còn có một nguyên nhân khác khiến cho vấn đề con người bị hạn chế trong nghiên cứu và lí giải: trước kia, con người thường bị nhìn hạn hẹp theo một vài góc nhìn khuôn thước. Ai cũng biết con người là đối tượng phức tạp, đa diện và độc đáo, song mọi kiến giải về con người dựa trên tâm linh, tôn giáo, tiềm thức, ngoại cảm và thậm chí cả những phát hiện lạ về đặc trưng sinh học đều không được chú ý và bị bỏ qua một cách định kiến. Nhiều năm, con người thuần túy chỉ được xem xét trong các chuyên ngành gần như tách biệt với nhau. Dĩ nhiên là vấn đề quá khó khi phải tiếp cận con người theo nhiều chiều cạnh khác nhau. Nhưng khó không có nghĩa là logic bên trong của việc nghiên cứu con người cho phép bỏ qua các khía cạnh đó. Thực ra nghiên cứu xã hội học về con người ở nước ta xuất hiện muộn. Còn muộn hơn nữa là những nghiên cứu liên ngành, đa ngành,... Mãi tới gần đây, người ta mới bàn đến Nghiên cứu phức hợp (Complex Research), Khoa học sự sống (Life Sciences), Lí thuyết sáng tạo (Creativity), Nhân học (Anthropology); mà bản luận tự coi mình đang đi theo tiếp cận này hay tiếp cận khác là một chuyện, còn thực tế có triển khai nghiên cứu con người theo các phương thức đó hay không lại là chuyện khác. Một số định kiến dè dặt lên con người (chẳng hạn định kiến về doanh nhân và “con buôn”, về trí thức và địa vị cùng lập trường xã hội của họ, về quan niệm bóc lột và làm thuê,...) hiện vẫn chưa được gỡ bỏ hoàn toàn.

Sự nghiệp đổi mới đã đem lại sinh khí cho toàn bộ đời sống xã hội thì cũng thổi luồng gió mới vào lĩnh vực nghiên cứu con người. Hiện tượng này có bối cảnh khách quan của nó. Đó là vào cuối những năm 80, giới lí luận Xô viết thẳng thắn thừa nhận tình trạng “bỏ quên con người”, lên án gay gắt cơ chế hành chính - bao cấp và chú trọng đặc biệt đến nghiên cứu “nhân tố con người”, cả về mặt lí thuyết và về mặt thực tiễn. Đại hội Triết học thế giới lần thứ XIX tổ chức tại Nga năm 1993 đã chọn con người làm chủ đề để bàn luận. Viện Con người thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Nga được thành lập năm 1993. Giới lí luận hi vọng bằng cách đó để “trở lại với con người” (tiếc rằng lịch sử đã không cho phép các nhà lí luận Xôviết đi đến cùng quan điểm của họ) (Frolov I.T., 2002; Hồ Sĩ Quý, 2007). Cũng vào dịp đó, năm 1990, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố *Báo cáo phát triển con người* đầu tiên, tạo ra sự quan tâm đặc biệt đến con người ở tất cả các nước thuộc Liên hợp quốc. UNDP khuyến cáo các chính phủ đừng quá chú trọng tăng trưởng kinh tế, đừng bằng mọi giá để vươn tới giàu có mà bỏ quên con người - chân lí của phát triển giản đơn hơn nhiều: “Tài sản của mỗi quốc gia là con người của quốc gia đó”, “Phát triển con người là mục đích của sự phát triển” (UNDP, 1990, tr. 9).

Không lâu sau, Việt Nam tiếp thu những quan điểm hợp lý từ khoa học bên ngoài, đặc biệt là quan điểm về nhân tố con người và về vị trí của con người trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Đề từ đó, luận điểm *con người là động lực, là mục tiêu của sự phát triển* đã được ghi trong các văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr. 8). Năm 1995, Việt Nam bắt đầu có mặt trong Báo cáo của UNDP về phát triển con người. Năm 2001, Việt Nam công bố *Báo cáo quốc gia về phát triển con người*. Xu hướng nghiên cứu định lượng về phát triển con người được chú ý ngay cả ở phạm vi các địa phương (tỉnh, thành phố). Quan điểm coi *con người chiếm vị trí trung tâm* dần trở nên phổ biến; Với quan điểm này, con người đóng vai trò quyết định ở cả “đầu vào” và ở cả “đầu ra” trong toàn bộ quá trình phát triển. Với quan điểm này, tư tưởng truyền thống Việt Nam cũng có chỗ đứng của nó: *Con người là nguyên nhân cuối cùng của mọi thất bại, là cơ sở sâu xa của mọi thành công*.

Như vậy, *con người là sản phẩm của hoàn cảnh*, hóa ra, chỉ là công đoạn cuối cùng của toàn bộ quá trình phát triển con người. Với trường hợp bốn con rồng châu Á trở dậy thành công thì *văn hóa và con người ở đây* không phải chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh nữa, mà là một sức mạnh nội sinh nằm ẩn sâu trong lòng của các xã hội đó. Muốn kích hoạt để xã hội có thể tiến lên được thì đòi hỏi phải có phương pháp luận tôn trọng nhân tố con người và nhân tố văn hóa. Đùng là “con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tr. 55). Nhưng trên thực tế, tư tưởng coi *con người chiếm vị trí trung tâm của sự phát triển* đã được đúc rút thành những phương pháp luận có ý nghĩa rất tích cực đối với sự nghiệp đổi mới và cũng là với sự phát triển đất nước mấy thập niên qua. Với quá trình hơn 30 năm đổi mới, từ chỗ chủ trương phát triển nhưng vô tình “bỏ quên con người”, đặc biệt là con người cá nhân, cá thể; coi lảng trường kinh tế đồng nghĩa với sự phát triển; hay nhìn con người chỉ như là công cụ của sự phát triển,... Việt Nam đã tán thành và tiếp thu quan điểm của UNDP: “Con người giữ vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội”; “Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó” (UNDP, 1990, tr. 9, 13).

Sự điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ những tư tưởng ấu trĩ, thiếu thực tế và tiếp thu những tư tưởng tiên tiến từ các học thuyết hiện đại của thế giới về con người và phát triển trên cơ sở những trải nghiệm thành bại đầy gian khó của thực tiễn chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước là chuyện có thật. Việt Nam đã bắt nhịp được với những quan niệm tiến bộ nhất của thời đại về hệ vấn đề con người, nguồn nhân lực và nhân tố con người. Những cách đối xử có phần cứng nhắc và ấu trĩ đối với vấn đề con người về căn bản đã không còn nữa.

## **2. Phát triển con người ở Việt Nam hiện nay: những chuyển biến tích cực**

Đặt trong bối cảnh của một đất nước đến tận đầu những năm 90 của thế kỉ XX vẫn chìm trong tất cả các tiêu chuẩn của tình trạng đói nghèo và chậm phát triển, rồi sau đó

*Hồ Sĩ Quý*

tăng trưởng liên tục với tốc độ ấn tượng và trở thành một quốc gia phát triển sôi động trong con mắt khu vực và thế giới thì không khó để có thể thấy rằng, thực trạng xây dựng và phát triển con người Việt Nam những thập niên qua, quả thực đã đạt tới những thành tựu không thể phủ nhận. Dĩ nhiên, phát triển con người ở Việt Nam vẫn chưa được như kì vọng, vẫn có những hạn chế, khiếm khuyết không kém nghiêm trọng (mà tác giả sẽ trình bày kĩ hơn ở phần sau), nhưng nhìn tổng thể, những thành tựu sau đây đều ít nhiều đã được kiểm chứng theo các chuẩn mực quốc tế.

**2.1. Về cơ bản và trên thực tế, con người đã trở thành chủ thể năng động của mọi quá trình phát triển, giữ vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội**

*Đối chiếu với mục tiêu phát triển con người toàn diện, thì đến nay về cơ bản và trên thực tế, con người đã được coi là có vị trí trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đóng vai trò là chủ thể năng động của mọi quá trình phát triển.*

- Các quan điểm định hướng chiến lược về con người, phát triển con người Việt Nam,... đã được quán triệt và thể hiện khá rõ trong các chính sách, các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Chất lượng và số lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng cao và tiếp cận được với khu vực.

- Lối sống lành mạnh, có văn hóa, hội nhập sâu vào xu hướng tiến bộ của thế giới,... ngày càng phổ biến và chiếm ưu thế trong đời sống xã hội.

- Truyền thống hiếu học, yêu lao động, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa,... vẫn được phát huy và được số đông dân chúng tôn trọng.

- Giáo dục trong hầu hết các gia đình đều hướng thiện và trách nhiệm. *Giá trị gia đình vẫn là giá trị cơ bản của đời sống xã hội.* Trong hệ thống các thiết chế xã hội, gia đình vẫn là thiết chế chứa đựng nhiều phẩm chất tốt đẹp nhất, có giá trị giữ vững sự ổn định và bình thường (không bất thường) của xã hội - là tế bào lành mạnh nhất của xã hội.

- Ý chí làm người, tâm thế phát triển, khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh,... vẫn được thể hiện mạnh mẽ trong nhiều tầng lớp cư dân.

- Khả năng sáng tạo, hội nhập, thích nghi và nắm bắt các phẩm chất tiên tiến của văn minh thế giới ở thế hệ trẻ là rất tích cực.

**2.2. Chỉ số phát triển con người tăng liên tục trong hơn 20 năm qua**

Việt Nam là một trong số ít nước có tiến bộ rõ rệt và liên tục về chỉ số phát triển con người (HDI) kể từ khi UNDP công bố chỉ số này năm 1990 đến nay. Xu hướng chỉ số HDI cao hơn chỉ số kinh tế vẫn được giữ vững suốt hơn 20 năm qua và vẫn đang tiếp tục, mặc dù chỉ số kinh tế cũng được cải thiện. Tuổi thọ bình quân khá cao không thua kém nhiều nước có chỉ số HDI cao và vẫn tiếp tục tăng. Chỉ số giáo dục khá cao vẫn được giữ vững và có tiến bộ, mặc dù nền giáo dục có không ít hạn chế. An sinh xã hội có nhiều điểm tốt và đang có xu hướng tích cực.

# KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP VIỆN NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI (THÁNG 9/1999)

*Thực trạng phát triển con người...*

## Chỉ số phát triển con người và các chỉ số thành phần ở Việt Nam từ năm 1995 - 2018

### HDI và các chỉ số thành phần Việt Nam 1995 - 2009<sup>1</sup>

Năm	Tuổi thọ bình quân (năm)	Tỷ lệ người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc biết viết (%)	Tỷ lệ nhập học các cấp (%)	GDP đầu người (PPP US\$)	Chỉ số tuổi thọ	Chỉ số giáo dục	Chỉ số GDP	Giá trị HDI	Xếp hạng HDI
1995	65,2	91,9	49	1010	0,67	0,78	0,17	<b>0,539</b>	120/174
1996	65,5	92,5	51	1040	0,68	0,79	0,11	<b>0,523</b>	121/174
1997	66,0	93,0	55	1208	0,68	0,80	0,18	<b>0,557</b>	121/175
1998	66	93,7	55	1236	0,69	0,81	0,18	<b>0,560</b>	122/174
1999	67,4	91,9	62	1630	0,71	0,82	0,47	<b>0,664</b>	110/174
2000	67,8	92,9	63	1689	0,71	0,83	0,47	<b>0,671</b>	108/174
2001	67,8	93,1	67	1860	0,71	0,84	0,49	<b>0,682</b>	101/162
2002	68,2	93,4	67	1996	0,72	0,84	0,50	<b>0,688</b>	109/173
2003	68,6	92,7	64	2070	0,73	0,83	0,51	<b>0,688</b>	109/175
2004	69,0	90,3	64	2300	0,73	0,82	0,52	<b>0,691</b>	112/177
2005	70,5	90,3	64	2490	0,76	0,82	0,54	<b>0,704</b>	108/177
2006	70,8	90,3	63	2745	0,76	0,81	0,55	<b>0,709</b>	109/177
2007- 2008	73,7	90,3	63,9	3071	0,812	0,815	0,572	<b>0,733</b>	105/177
2009	74,3	90,3	62,3	2600	0,821	0,810	0,544	<b>0,725</b>	116/182

<sup>1</sup> UNDP. *Human Development Report*. Table 1. HDR 1995 - 2014.

## KỈ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP VIỆN NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI (THÁNG 9/1999)

Hồ Sĩ Quý

**HDI và các chỉ số thành phần ở Việt Nam 2010 - 2018<sup>2</sup>**

Năm	Chỉ số HDI	Tuổi thọ trung bình	Số năm đi học trung bình	Số năm đi học kỳ vọng (Expected years of)	GNP theo đầu người	GNI chênh lệch với HDI	HDI Tăng thêm do chênh với GNP (Nonincome HDI Value)	Xếp hạng trên tổng số nước tính được HDI
2010	0,572	74,9	5,5	10,4	2,975	//	0,646/ 0,572	113/178
2011	0,593	75,2	5,5	10,4	2,805	8	0,662	128/187
2013	0,617	75,4	5,5	11,9	2,970	9	0,686	127/188
2014	0,638	75,9 80,5/71,3 Nữ/Nam	5,5 5,2/5,7 Nữ/Nam	11,9	4,174/5,655 Nữ/Nam	0	0,653	121/187
2015	0,666	75,8	7,5	11,9	5,092	15	.....	116/188
2016	0,683	75,9	8,0	12,6	5,335	18	.....	115/188
2018	0,694	76,5	8,2	12,7	5,895	14	.....	116/189

Bảng số liệu trên được tác giả tổng hợp từ 20 báo cáo của UNDP trong suốt những năm từ 1995 - 2018 (giai đoạn 2010 - 2018 được tách riêng vì cách tính HDI được các chuyên gia UNDP bổ sung và thay đổi lớn). Các số liệu này cho thấy, thực trạng phát triển con người thể hiện qua chỉ số HDI của Việt Nam như sau:

- Việt Nam là một trong số các quốc gia có tiến bộ rõ rệt và gần như liên tục về chỉ số HDI trong suốt hơn 20 năm qua. Năm 1995, chỉ số HDI của Việt Nam là 0,539 tăng lên đến 0,725 vào năm 2009 (theo cách tính cũ). Năm 2010, chỉ số HDI của Việt Nam là 0,572 tăng lên 0,694 vào năm 2018 (theo cách tính mới).

- Xu hướng chỉ số HDI cao hơn chỉ số kinh tế vẫn được giữ vững suốt 20 năm qua và vẫn đang tiếp tục. Cột 7 cho thấy, vị trí của Việt Nam về GNP năm 2018 cao hơn vị trí về HDI là 14 bậc trong số 189 nước. Tương tự, các năm 2011 chênh lệch (cao hơn) là 8 bậc; năm 2013 là 9 bậc; năm 2015 là 15 bậc; và chênh lệch cao nhất là năm 2016: 18 bậc.

<sup>2</sup> Xem: UNDP. *Human Development Report 2010-2018*. Tác giả tách HDI Việt Nam 2010-2018 thành bảng riêng, bởi từ năm 2010 UNDP thay đổi cách tính HDI trong HDR. Theo đó, giá trị tuyệt đối về HDI của Việt Nam thấp hơn, chẳng hạn 2009: 0,725 - 2010: 0,572 nhưng thực ra trình độ phát triển con người vẫn tăng, chỉ có thước đo thay đổi.

- Tuổi thọ bình quân khá cao không thua kém các nước có chỉ số HDI cao và vẫn tiếp tục tăng. Năm 1995, tuổi thọ bình quân của người Việt Nam là 65,2 tuổi, đến năm 2018, tuổi thọ bình quân đã tăng lên 76,5 tuổi - một con số rất cao so với nhiều nước (Mĩ: 79,5, Singapore: 83,2, Nhật Bản: 83,9, Hàn Quốc: 82,4, Nga: 71,2, Trung Quốc: 76,4, Philippines: 69,2, Lào: 67,0, Campuchia: 69,3).

- Chỉ số giáo dục tương đối cao vẫn được giữ vững và vẫn có tiến bộ. Năm 1995, chỉ số giáo dục của Việt Nam là 0,78 đã tăng lên 0,81 năm 2009. Năm 2010, số năm đi học trung bình của người Việt Nam là 5,5 năm, đến năm 2018 đã tăng lên 8,2 năm. Năm 2010, số năm đi học kì vọng là 10,4 năm, đến năm 2018 đã tăng lên 12,7 năm.

- Chỉ số kinh tế tuy thấp hơn chỉ số HDI nhưng vẫn liên tục được cải thiện. Năm 1995, GDP (tổng sản phẩm quốc nội/nội địa) đầu người (tính theo PPP US\$ - sức mua ngang giá) của Việt Nam là 1.010 USD, đến năm 2009 đã tăng lên 2.060 USD. Năm 2010, GNP đầu người (tính theo PPP US\$ - sức mua ngang giá) của Việt Nam là 2.975 USD, đến năm 2018 tăng lên 5.895 USD.

Trong những năm 1980 - 1990, chỉ số HDI của Việt Nam có tăng nhưng tăng ở mức thấp, chỉ khoảng 0,28/năm. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, khi thực lực kinh tế nước ta còn nhiều yếu kém, chỉ số kinh tế trong HDI cũng chỉ ở mức dưới trung bình. Giai đoạn này, chính những thành tựu về tuổi thọ và giáo dục đã góp phần nâng cao chỉ số HDI của Việt Nam. Từ cuối những năm 90 cho đến đầu thế kỉ XXI, chỉ số HDI của Việt Nam có sự tăng trưởng nhanh hơn. Đóng góp vào kết quả này, một phần là nhờ những thành tựu về tăng trưởng kinh tế và đặc biệt là thành tích xóa đói giảm nghèo rất nhanh và trên diện rộng ở Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam đã thuộc nhóm nước có chỉ số Trung bình cao, với chỉ số HDI là 0,694, đứng thứ 116 trên tổng số 189 quốc gia. Là một trong số không nhiều quốc gia có chỉ số HDI cao hơn 14 bậc so với chỉ số thu nhập GNP<sup>3</sup>.

### ***2.3. Thành tựu xóa đói giảm nghèo ngoạn mục, về đích sớm hơn 10 năm so với cam kết trước Liên hợp quốc về thực hiện mục tiêu Thiên niên kỉ (MDG)***

Năm 1993, tỉ lệ dân cư thuộc diện nghèo ở Việt Nam chiếm tới 58,1%, trong đó, tỉ lệ nghèo ở đô thị là 25,1%; tỉ lệ nghèo ở nông thôn là 66,4% (Theo chuẩn nghèo thu nhập, chưa phải là chuẩn nghèo đa chiều theo QĐ 59/2015/QĐ-TTg) (Oxfam, 2012, tr. 27). Việt Nam tăng trưởng kinh tế liên tục trên diện rộng trong ba thập niên gần đây đã cải thiện đời sống của hầu hết mọi tầng lớp dân cư trong nước. Tỉ lệ nghèo giảm liên tục từ 58,1% năm 1993 xuống 37,4% năm 1998, 28,9% năm 2002, 24,1% năm 2004, 16% năm 2006, 14,5% năm 2008 và theo số liệu của Văn phòng quốc gia về giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), tính đến cuối năm 2018, tỉ lệ hộ nghèo bình quân cả nước chỉ còn 5,35%. Ngay tại các huyện nghèo, bình quân tỉ lệ hộ nghèo đã giảm chỉ còn dưới 35% (Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), 2019). Như vậy, khoảng hơn 40 triệu người, tức là khoảng một nửa dân số Việt Nam đã được xóa đói giảm nghèo trong

<sup>3</sup> Xem: *Human Development Report 2018*.

quãng ba thập niên đó. Chính những kết quả đạt được trong xóa đói giảm nghèo đã thúc đẩy sự gia tăng đáng kể chỉ số GDP của Việt Nam, và cũng đóng góp vào sự tăng trưởng của chỉ số HDI Việt Nam.

Đối với cộng đồng thế giới, thành tựu đã đạt được về xóa đói giảm nghèo của Việt Nam thực sự rất ấn tượng. Việt Nam được coi là đã đi đúng hướng và thành tích này đã giúp Việt Nam đạt được một trong những Mục tiêu MDG quan trọng nhất là giảm một nửa tỉ lệ người dân có mức sống dưới 1 USD mỗi ngày và giảm một nửa tỉ lệ người dân bị thiếu đói. Điều này diễn ra vào năm 1998. Việt Nam đã hoàn thành vượt mức Mục tiêu MDG trước 10 năm.

Theo Ngân hàng thế giới (WB), hiện nay 70% dân số Việt Nam được phân loại là an toàn về kinh tế, bao gồm 13% đã là một phần của tầng lớp trung lưu toàn cầu. Thu nhập của các tầng lớp vẫn đang tăng (tăng hơn 20 điểm phần trăm trong giai đoạn từ năm 2010 - 2017). Tính từ năm 2014, trung bình mỗi năm 1,5 triệu người Việt Nam gia nhập tầng lớp trung lưu toàn cầu. Đa số các hộ gia đình sau khi thoát nghèo lại tiếp tục leo lên nấc thang mới về kinh tế. Cơ cấu tầng lớp người tiêu dùng cũng thay đổi, làm xã hội thay đổi khát vọng từ chống lại nghèo đói cùng cực sang cải thiện chất lượng sống, từ mơ ước thoát nghèo sang kì vọng thịnh vượng. Xu hướng thịnh vượng ngày càng tăng ở Việt Nam, đối với thế giới là đặc biệt rõ (WB, 2018).

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam từ một quốc gia nghèo đói, chậm phát triển đã trở thành một nước có GDP trung bình, với quy mô nền kinh tế năm 2018 là 244,489 tỉ USD, đứng thứ 40 trên thế giới và dự trữ ngoại hối năm 2019 đạt 68 tỉ USD (Vietnam Breaking News, 2019). Kinh tế hiện tăng trưởng khá nhanh và vẫn đang có dấu hiệu “hóa hổ”.

#### ***2.4. Nhận định chung về ba thập niên phát triển con người***

Sau hơn ba thập niên, sự nghiệp xây dựng và phát triển con người ở Việt Nam đã thực hiện được sự chuyển biến hết sức tích cực. Đây là sự thật không thể phủ nhận. Nếu “con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ăn náu đâu đó ở ngoài thế giới” mà là những “cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ”, như C. Mác đã chỉ ra (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1995, tr. 29), thì con người Việt Nam hôm nay chắc chắn đã khác biệt rất đáng kể với con người Việt Nam thời kì trước những năm 80.

Từ nghèo đói và bao cấp về kinh tế, lệ thuộc và thụ động trước hoàn cảnh, cứng nhắc và xa lạ trước thị trường và các chuẩn mực quốc tế,... con người Việt Nam ngày nay đã trở nên mềm dẻo hơn, chủ động hơn, thực tế hơn, năng động hơn,... trong các hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội. Các nguồn lực nội sinh về con người và xã hội đã được giải phóng. Người Việt Nam ngày nay được đánh giá là biết tiếp thu sức mạnh và tinh hoa văn hóa, văn minh bên ngoài, gắn gũi hơn với xu hướng và chuẩn mực của cộng đồng thế giới.

Nhìn lại thời gian qua, đó thực sự là những chuyển biến có ý nghĩa cách mạng đối với sự phát triển. Tất cả những chuyển biến đó đều bắt đầu từ con người và kết thúc cũng ở con người. Nghĩa là trên những nét lớn, con người đã thực sự là động lực và là mục tiêu của sự phát triển.



Đến nay, con người Việt Nam là con người của một quốc gia đã có quan hệ ngoại giao với 188/193 nước thành viên Liên hợp quốc, là thành viên tích cực của hơn 70 định chế quốc tế; có quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, đối tác toàn diện với 11 nước; được hơn 70 nước công nhận nền kinh tế Việt Nam là kinh tế thị trường; tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục khoảng 5 - 7%/năm;... Hơn thế nữa, con người Việt Nam là một cộng đồng hiện có hơn 60% thành viên sử dụng Internet với 60 triệu người dùng Facebook, 45 triệu người dùng Youtube, 40 triệu người sử dụng Zalo; Google chiếm tới 95,27% thị phần tìm kiếm. Người Việt Nam đứng thứ 16 trên thế giới về cộng đồng mạng - một số liệu được coi là “ki vọng và đáng ghen tị” của rất nhiều cộng đồng trên thế giới, kể cả một số nước giàu có và phát triển<sup>4</sup>.

Hiện tại, đời sống chính trị - xã hội Việt Nam ổn định và có nhiều mặt tiến bộ không thể phủ nhận. Đời sống văn hóa trên thực tế đã khác xa so với trước kia và có không ít điểm sáng được thế giới ca ngợi. Đời sống cá nhân của đại bộ phận cư dân cũng được cải thiện tương đối nhanh. Cuộc chiến chống tham nhũng và làm sạch xã hội ba năm gần đây có kết quả rất ấn tượng, lấy lại được niềm tin của nhân dân. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng quan trọng hơn.

*Việt Nam chắc chắn không thể có được bước phát triển và diện mạo như ngày nay nếu như xã hội vẫn giữ những quan niệm cũ gắn liền với thái độ cũ về kinh tế tư bản tư nhân, về sự bóc lột và lao động làm thuê, về làm giàu và nghèo đói, về tôn giáo và tâm linh, về tính năng động cá nhân và giải phóng các nguồn lực,... tức là về con người và phát triển con người.*

### **3. Phát triển con người ở Việt Nam hiện nay: những hạn chế, bất cập và nguyên nhân**

Trước sự phát triển đầy năng động và tương đối nhanh của đời sống kinh tế - xã hội, đối chiếu với những kì vọng rất cao của người dân đối với sự phát triển đất nước, lĩnh vực con người và phát triển con người cũng đã lộ ra nhiều hạn chế, khiếm khuyết, bất cập, nhất là từ năm 2016 đến nay, khi Đảng và Nhà nước mạnh tay với các hoạt động phòng chống tham nhũng, đưa ra công luận và khởi tố các vụ đại án có liên quan đến đạo đức cán bộ, đảng viên. Sau đây là những hạn chế, bất cập chủ yếu:

#### **3.1. Những hạn chế, bất cập**

- Thu nhập gia tăng và mức sống chung của người dân trong những năm qua đã được nâng cao rất nhiều, tuy vậy, thu nhập và mức sống của người lao động sống bằng thu nhập do chính khả năng lao động của họ vẫn còn thấp so với tiềm năng và so với thực tế lao động; khoảng cách về bất bình đẳng thu nhập gia tăng; khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn. Cuộc sống của một bộ phận người dân sống bằng lao động vẫn thiếu sự đảm bảo an toàn và bền vững về sinh kế. 30% dân số chưa an toàn về kinh tế, theo (WB, 2018), là thuộc nhóm này. Khát vọng làm giàu trong những trường hợp này đôi khi gây tác dụng ngược; xuất khẩu lao động bằng mọi giá để làm giàu cũng là như vậy.

<sup>4</sup> Xern: “Number of internet users in Vietnam from 2017 to 2023 (2019)”. (<https://www.statista.com/statistics/369732/internet-users-vietnam/>), truy cập ngày 25/6/2019.

- Nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng lại chưa thực sự khuyến khích các cơ hội có việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là khi các doanh nghiệp buộc phải chú trọng thay đổi công nghệ. Lực lượng lao động Việt Nam đa số là có tay nghề thấp, dẫn đến năng suất lao động thấp và thu nhập thấp, việc làm không ổn định và thiếu bền vững. Cơ cấu việc làm không theo kịp thay đổi cơ cấu kinh tế. Thu nhập thấp hoặc thất thường trong khi mức tiêu dùng cho đời sống tăng dần ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người lao động. Tình trạng thiếu trầm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, trước hết ngay từ trong quy hoạch và quản lí, trong hoạt động khoa học và công nghệ, đang gây lãng phí rất lớn các nguồn lực khác cho phát triển, cản trở và làm giảm chất lượng tăng trưởng, kìm hãm sự phát triển của đất nước.

- Có sự khác biệt về giới trong tỉ lệ tham gia lực lượng lao động và trong tỉ lệ lao động có việc làm và thu nhập.

- Mặc dù thành tựu của Việt Nam trong xóa đói giảm nghèo là ngoạn mục trong thời gian qua, nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa trong việc giảm nghèo giữa các dân tộc, giữa các vùng miền. Tỉ lệ nghèo đói vẫn còn khá cao ở các tỉnh miền núi, ở các cộng đồng dân tộc thiểu số. Nhiều địa phương, người nghèo vẫn chưa được hưởng lợi gì nhiều từ chính sách giảm nghèo quốc gia. Thậm chí nghèo đói cùng cực, nghèo “đứt bừa” (Chronic Hunger), nghèo “truyền kiếp” (Intergenerational Transmission of Poverty) vẫn tồn tại ở một số địa phương.

- Mức sống tăng nhưng chất lượng sống của số đông người Việt Nam vẫn còn thấp và bất bình đẳng xã hội có xu hướng tăng, đặc biệt là sự khác biệt vùng miền đang cản trở Việt Nam đạt được những thành tựu cao hơn trong phát triển con người.

- Đảm bảo an sinh xã hội còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của đời sống con người ở Việt Nam. Hệ thống bảo hiểm xã hội hiện nay đang đối mặt với nhiều thách thức phát sinh từ việc thiết kế và vận hành hệ thống. Điều đó đồng nghĩa với việc mặc dù tăng trưởng cao nhưng chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng còn nhiều vấn đề, có xu hướng tăng trưởng nóng, chưa gắn chặt với gia tăng chất lượng sống và phát triển con người.

- Chỉ số giáo dục cao, nhưng chất lượng giáo dục vẫn kém, vẫn lạc hậu so với khu vực và thế giới. Tăng chi tiêu công cho giáo dục và cam kết của Chính phủ về giáo dục cho mọi người đã góp phần làm cho giáo dục có những bước tiến bộ, nhưng việc chi tiêu cho giáo dục vẫn không tỉ lệ thuận với chất lượng của nền giáo dục. Giáo dục - đào tạo vẫn xuống cấp và chưa có dấu hiệu thoát ra khỏi khủng hoảng. Nhiều biểu hiện tiêu cực trong giáo dục - đào tạo dường như ngày càng nhiều hơn và trầm trọng hơn (tệ “mua bằng bán điểm”, “học giả bằng thật”; tình trạng bạo lực học đường; tình trạng người thầy tha hóa, ...) nói lên sự xuống cấp về đạo lí trong quan hệ thầy trò. Trong giáo dục, sự thiếu vắng về li tưởng và hoài bão ở một bộ phận đáng kể học sinh, sinh viên là có thật. Giáo dục đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi căn bản, toàn diện để đột phá chất lượng về nguồn nhân lực - một trong số điểm nghẽn của phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

Giáo dục - đào tạo tuy có thành tích là có số lượng người được giáo dục - đào tạo nhiều nhưng chất lượng đã từ lâu và hiện vẫn đang xuống cấp. Đào tạo nhiều, nhưng dùng được ít. Giáo dục và đào tạo của những thập niên 50, 60 thế kỉ trước được so sánh là có hiệu quả hơn so với hiện nay bởi chi phí bỏ ra ít hơn, tập trung và có chọn lọc, chất lượng người học tốt hơn. Trong thực tế, không chỉ có tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp mà có cả tình trạng giáo viên dạy nhầm chỗ, vào trường không nhằm thực học mà chỉ để hợp lí hóa bằng cấp. Xu thế thương mại hóa giáo dục, đào tạo chất lượng kém và sinh bằng cấp đang tiếp tục làm suy giảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục dẫn đến bất bình đẳng về cơ hội phát triển con người ở Việt Nam vẫn tiếp diễn, cho dù tình trạng này có giảm đi nhờ kết quả của việc tăng chi ngân sách cho giáo dục tiểu học, miễn giảm học phí cho nhiều đối tượng trong đó có các hộ nghèo.

- Tuổi thọ bình quân cao, chỉ số sức khỏe cao và trình độ nền y tế cũng được thế giới đánh giá rất tích cực, tuy nhiên, thực tế hoạt động y tế còn nhiều yếu kém, cơ chế chăm sóc sức khỏe cộng đồng vẫn còn nhiều vấn đề, thậm chí nghiêm trọng.

Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được coi là có nhiều tiến bộ trong 2 năm vừa qua, chỉ số y tế của Việt Nam tốt hơn nhiều nước có cùng trình độ phát triển do chỉ tiêu cho y tế đã tăng nhiều, đặc biệt là việc tăng tỉ trọng của bảo hiểm y tế trong chỉ tiêu công trong những năm gần đây. Mặc dù bảo hiểm y tế đang đóng vai trò tích cực giúp tăng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế, làm giảm bớt khoảng cách về y tế giữa các vùng miền, giữa các nhóm kinh tế - xã hội, nhưng ở mức độ đáng kể, bất bình đẳng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế vẫn rất lớn và điều đó dẫn đến bất bình đẳng về kết quả y tế, cũng như nhiều hạn chế khác trong hoạt động y tế. Quan hệ giữa người với người trong hoạt động y tế vẫn có nhiều biểu hiện không lành mạnh.

- Bất bình đẳng ngay từ khi sinh, mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam đang gia tăng. Những chuyển đổi về xã hội và nhân khẩu làm thay đổi loại hình bệnh tật và nguyên nhân gây tử vong ở Việt Nam.

- Bạo lực gia đình, lao động trẻ em, trẻ em đường phố và lạm dụng tình dục trẻ em,... vẫn tăng và đang trở thành những vấn đề xã hội cấp bách, trực tiếp làm hạn chế thành tích phát triển con người. Nhiều kì họp Quốc hội những năm gần đây đã nóng lên vì các nội dung này.

- Mức độ và hiệu quả gắn kết giữa phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và xây dựng, chinh đốn Đảng còn hạn chế. Trên thực tế, thật khó nhận ra sự quản lí, điều phối đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa với thực hiện tiến bộ và công bằng. Điều này không tránh khỏi làm hạn chế kết quả việc thực thi các chính sách về con người.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có một số cán bộ lãnh đạo, quản lí cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỉ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc,...

### **3.2. Nguyên nhân**

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng trên. Ở đây tác giả chỉ chú ý tới các nguyên nhân có liên quan đến vấn đề con người và phát triển con người.

*Thứ nhất, cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có “Chiến lược con người” hay “Chiến lược phát triển con người”.*

Việc xây dựng các chiến lược kinh tế - xã hội và các chương trình, kế sách phát triển khác, đặc biệt là chiến lược giáo dục, chiến lược phát triển khoa học công nghệ, hay chiến lược phát triển văn hóa... một khi không tính đến “Chiến lược con người” hay “Chiến lược phát triển con người”, thì chắc chắn sẽ không tránh khỏi khiếm khuyết, gây ảnh hưởng đến các mục tiêu về con người. Vấn đề là ở chỗ, sự thiếu vắng “Chiến lược con người” hay “Chiến lược phát triển con người” khó tránh khỏi làm cho bản thân các mục tiêu khác có liên quan đến con người và xã hội (đã được ghi trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước) vô tình trở nên thiếu đồng bộ với nhau, làm hạn chế và cản trở lẫn nhau, thậm chí bị vi phạm, dẫn đến cản trở sự thành công của mục tiêu phát triển con người nói chung.

Những tư tưởng chiến lược, những chủ trương, thậm chí ngay cả những tiêu chí về phát triển con người, trên thực tế, vì thiếu vắng “Chiến lược con người” hay “Chiến lược phát triển con người” nên cũng khó tránh khỏi không bao hàm hết tính phức tạp của nhu cầu xây dựng con người trong điều kiện đời sống xã hội có nhiều biến động như hiện nay. Những vấn đề bức xúc của giáo dục, khoa học, đạo đức, đời sống tinh thần... do vậy, vẫn nảy sinh tự phát từ đời sống mà không lệ thuộc vào những quan niệm định hướng vĩ mô. Hệ quả của điều này là tinh ki luật, tính nguyên tắc và kỉ cương xã hội bị vi phạm. Trong khi đó, nhu cầu phát triển đất nước trong điều kiện của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay lại đòi hỏi xã hội phải có số đông những con người với các phẩm chất tiên quyết là kỉ luật, kỉ cương và trách nhiệm với cộng đồng và với đất nước,...

*Thứ hai, thiếu vắng những cơ chế, chính sách hữu hiệu để chủ động ngăn ngừa những vi phạm tiêu cực của cá nhân, đặc biệt những cá nhân giữ trọng trách xã hội, có chức, có quyền. Luật pháp còn thiếu đồng bộ, còn nhiều kẽ hở, khiến cho người xấu dễ tìm cách lợi dụng.*

Trong điều kiện những tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội, đến từng cá nhân, việc thiếu vắng những cơ chế, chính sách để chủ động ngăn ngừa những vi phạm tiêu cực trong lãnh đạo, quản lí làm cho việc thực hiện các chủ trương, đường lối về xây dựng và phát triển con người gặp nhiều khó khăn. Con người, đặc biệt những người có trách nhiệm xã hội, có chức, có quyền khó tránh khỏi cảm dỗ, tha hóa, khi xã hội không có đủ chế tài, cơ chế hữu hiệu để ngăn chặn tiêu cực.

Đất nước đang trong thời kì phát triển sôi động. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lí nắm giữ khối tài sản, nguồn vốn lớn của tập thể, của Nhà nước lại không đủ đạo đức và phẩm chất của người cầm quyền (như Nghị quyết Hội nghị TW4 khóa XII của Đảng đã chỉ ra). Trong khi đó, luật pháp còn thiếu đồng bộ, còn nhiều kẽ hở, khiến cho người

xấu để tìm cách lợi dụng. Đó là môi trường cám dỗ để chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, thực dụng phát triển. Lợi dụng sự thiếu đồng bộ và những kẽ hở của luật pháp, lợi dụng những yếu kém trong quản lý vĩ mô,... những tham vọng háms lợi và làm giàu thật nhanh của những doanh nghiệp thích đi đêm hơn làm giàu cho xã hội, của những quan chức thèm bồng lộc hơn công hiến cho đất nước, của những người dân muốn giàu nhưng không thấy được giá trị của lao động,... đã gây tác hại to lớn cho xã hội.

Sự nghiệp phát triển con người không thể đạt được kì vọng nếu xã hội vẫn thiếu vắng những cơ chế, chính sách hữu hiệu để chủ động ngăn ngừa những vi phạm tiêu cực của cá nhân, đặc biệt những cá nhân giữ trọng trách xã hội, có chức, có quyền. Kinh nghiệm rút ra từ những kết quả tích cực của công cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay cho thấy, các giá trị văn hóa, đạo đức, liêm chính và công lý,... sẽ hồi phục và dần tốt lên, niềm tin của người dân đối với Đảng và chế độ sẽ mạnh thêm khi các chế tài pháp lý đủ nghiêm, khi luật pháp có cơ chế để bắt kì ai cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, dù còn đương chức hay đã nghỉ hưu, thậm chí đã chết.

### **Kết luận**

Trong điều kiện của một nền kinh tế thị trường tăng trưởng và phát triển sôi động, thực trạng phát triển con người ở Việt Nam hiện nay, nếu nhìn vào những biểu hiện tiêu cực của nó thì cũng không thể phủ nhận được cho dù có hiện tượng con người bị tha hóa, thậm chí tha hóa ở mức đáng ngại. Văn hóa làm người, quan hệ giữa người với người “không được như trước đây” và đã xuất hiện những “chuyện động trời” (thuật ngữ cảnh báo của đại biểu Quốc hội tại kì họp thứ 5 và thứ 7 khóa XIV<sup>5</sup>). Đạo đức vẫn chưa hết xuống cấp. Giáo dục vẫn có quá nhiều yếu kém cả về chất lượng và cả về quản lý điều hành. Y tế vẫn có nhiều hoạt động kém nhân văn,... Một số tội phạm trọng án gây hại cho đất nước lại là cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, Công an, Quân đội. Đời sống xã hội vẫn tồn tại nhiều biểu hiện vô cảm. Hiện tượng suy giảm niềm tin hiện vẫn chưa dừng lại.

Tuy nhiên, đó chỉ là một mặt, mặt khiếm khuyết của thực trạng phát triển con người. Sự nghiệp xây dựng và phát triển con người sau hơn 30 năm “Đổi mới”, về cơ bản và trên những nét lớn, trên thực tế đã làm thay đổi đáng kể con người Việt Nam.

Từ nghèo đói và bao cấp về kinh tế, lệ thuộc và thụ động trước hoàn cảnh, cứng nhắc và xa lạ trước thị trường và các chuẩn mực quốc tế,... con người Việt Nam ngày nay đã trở nên mềm dẻo hơn, chủ động hơn, thực tế hơn, năng động hơn,... trong các hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội. Các nguồn lực nội sinh về con người và xã hội được giải phóng. Con người Việt Nam ngày nay được đánh giá là biết tiếp thu sức mạnh và tinh hoa văn hóa, văn minh bên ngoài, gần gũi hơn với xu hướng và chuẩn mực của cộng đồng thế giới.

<sup>5</sup> Xem: “Tin hoạt động của Quốc hội”. (<http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx>), truy cập ngày 25/6/2019.

**Tài liệu tham khảo**

1. ADB. 2019. "Poverty in Vietnam", (<https://www.adb.org/countries/viet-nam/poverty>), truy cập ngày 25/6/2019.
2. "All Countries and Economies", (<https://data.worldbank.org/indicator/ny.gdp.mktp.cd?view=map>), truy cập ngày 25/6/2019.
3. Phạm Như Cương (chủ biên), 1978. *Về vấn đề xây dựng con người mới*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
4. Frolov I.T. 2002. "Trở lại với con người". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 1.
5. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1995. *Toàn tập*, tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
6. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1999. *Toàn tập*, tập 39. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
8. "Number of internet users in Vietnam from 2017 to 2023". 2019, (<https://www.statista.com/statistics/369732/internet-users-vietnam/>), truy cập ngày 25/6/2019.
9. Oxfam. 2012. "Theo dõi nghề theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam", *Báo cáo tổng hợp 5 năm (2007 - 2011)*, (<https://oxfamblogs.org/vietnam/wp-content/uploads/2009/03/prm-vie-light.pdf>), truy cập ngày 25/6/2019.
10. Hồ Sĩ Quý. 2007. *Con người và phát triển con người*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
11. Tổng cục Thống kê. 1994. *Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 1992 - 1993*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
12. "Tin hoạt động của Quốc hội", (<http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx>), truy cập ngày 25/6/2019.
13. UNDP. *Human Development Report*. 1990 - 2018.
14. UNDP. *Human Development Report 1990*, tr. 9, 13.
15. "Vietnam Breaking News", (July 24, 2019), (<https://www.vietnambreakingnews.com/2019/07/viet-nams-foreign-reserves-hit-record-high-68-billion/>), truy cập ngày 25/6/2019.
16. WB. 2018. "Climbing the ladder Vietnam Poverty and Shared prosperity: update report poverty reduction and shared prosperity in vietnam", (<http://documents.worldbank.org/curated/en/206981522843253122/pdf/124916-WP-PUBLIC-P161323-VietnamPovertyUpdateReportENG.pdf>), truy cập 25/6/2019.